TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 11 – 2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, trinh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, Về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXX-ST ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thanh L, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 01, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Dương Thanh B, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 01, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Hồ Thị Thanh L trình bày:

Chị Hồ Thị Thanh L và Anh Dương Thanh B sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn hai bên còn độc thân, hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống Tổ 11, ấp 01, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Bthường cờ bạc, không lo làm ăn nên vợ chồng thường cải vã lẫn nhau. Năm 2016 Chị Lđã làm đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xin ly hôn nhưng do bận công việc và cũng để cho

anh Bcó thêm cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Bkhông thay đổi mà đã dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng tự sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Lyêu cầu được ly hôn với anh Bđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Dương Thanh Tr, sinh năm: 2002, Dương Thị Trúc L, sinh năm: 2006 và Dương Đăng Kh, sinh năm: 2011. Chị Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con để vợ chồng tự thỏa thuận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Hiện vợ chồng không nợ chung của ai, không cho ai vay nợ chung.

Bị đơn Anh Dương Thanh B trong bản tự khai ngày 30 tháng 8 năm 2018 gửi Tòa án trình bày:

Anh Bvà Chị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng tại: Tổ 11, ấp 01, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã, xô xát lẫn nhau, vợ chồng tự sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay Chị Lyêu cầu ly hôn, anh Bcũng đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể về đoàn tụ được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Dương Thanh Tr, sinh năm: 2002, Dương Thị Trúc L, sinh năm: 2006 và Dương Đăng Kh, sinh năm: 2011. Anh Bcũng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung để vợ chồng tự thỏa thuận.

Tài sản chung: Anh Bcũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Anh Bcó đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị Hồ Thị Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 51, 54, 56 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho Chị Hồ Thị Thanh L được ly hôn với Anh Dương Thanh B, buộc Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn Chị Hồ Thị Thanh L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do Chị Hồ Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Anh Dương Thanh B, sinh năm: 1979, địa chỉ cư trú tại: Tổ 11, ấp 01, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên toà bị đơn Anh Dương Thanh B vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Btheo quy định tại điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Hồ Thị Thanh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thanh L và Anh Dương Thanh B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2001, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Khi kết hôn có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình đó là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay Chị Lcho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, anh Bham mê cờ bạc, bỏ bê không quan tâm vợ con nên vợ chồng thường xung đột, cãi vã nhau. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, Chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bình. Trong bản tự khai gửi Tòa án, anh Bcũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể về chung sống đoàn tụ được nên anh Bcũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L, anh B đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt mặc dù đã được Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Chị L cương quyết ly hôn, anh Bcũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị L nhưng do anh Bcó đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải do đó không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh ngày 11/9/2018 của Tòa án thì chị L, anh B mâu thuẫn đã tự sống ly thân hai năm nay. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Chị Hồ Thị Thanh L được ly hôn với Anh Dương Thanh B.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống Chị Lvà anh Bcó 03 con chung tên Dương Thanh Tr, sinh năm: 2002, Dương Thị Trúc L, sinh năm: 2006 và Dương Đăng Kh, sinh năm: 2011. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa hôm nay, Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung nên không đặt ra để HĐXX xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Chị Hồ Thị Thanh L phải chịu theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Lđược ly hôn với anh Bình, Chị Lnghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 08, 09, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 264, điều 266, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hồ Thị Thanh L.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Hồ Thị Thanh L được ly hôn với Anh Dương Thanh B.

2.Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thanh L phải chịu 300.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009616 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Chị Hồ Thị Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn Anh Dương Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND xã M ,huyện Ch, tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà